

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2026
V/v Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lộc Thị Hải

Bà Hoàng Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn và vay nợ chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Triệu Sinh Đ, sinh năm 1982; số định danh cá nhân: 020082009006; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1985; số định danh cá nhân: 020185008392; địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C1. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, quận H cũ, nay là phường H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B - Giám đốc Phòng C1, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khu H, (thị trấn Đ, huyện Đ cũ) nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Ủy quyền cho ông Lương Cao C - Phó Giám đốc Phòng C1 khu vực Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Triệu Sinh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chúng ông Triệu S Đường được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ đầu năm 2001. Sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng ông Triệu Sinh Đ chung sống với nhau tại thôn P, xã Á, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cũ nay là xã X, tỉnh Lạng Sơn, đến năm 2009 vợ chồng ông Triệu Sinh Đ mua đất và làm nhà sinh sống tại thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn sinh sống từ đó cho đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng mới đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng ông Triệu Sinh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Triệu Sinh Đ phải đi làm xa kiếm tiền chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Khoảng năm 2018 - 2019 bà Đặng Thị Phương B1 nhà đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh từ đó vợ chồng ông Triệu Sinh Đ sống ly thân nhau cho đến nay. Ông Triệu Sinh Đ xác định tình cảm vợ chồng với bà Đặng Thị P không còn nên ông Triệu Sinh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Triệu Sinh Đ ly hôn với bà Đặng Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Triệu Tiến M, sinh ngày 19/4/2001 và Triệu Thị M1, sinh ngày 09/11/2002. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành đều đã có gia đình riêng, khi ly hôn ông Triệu S Đường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ông Triệu Sinh Đ xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 50m², xây cuối năm 2022 và đất xung quanh nhà khoảng 6.000m². Ông Triệu Sinh Đ đã tự thỏa thuận về đất, còn ngôi nhà ông Triệu Sinh Đ sở hữu và tự có trách nhiệm thanh toán bà Đặng Thị P 20.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

Về các khoản nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng C1, tại Phòng giao dịch Ngân hàng C1, tỉnh Lạng Sơn 02 khoản vay gồm: Vay chương trình hộ nghèo số tiền 30.000.000 đồng và vay mục đích để làm nhà số tiền vay 40.000.000 đồng. Khi ly hôn ông Triệu Sinh Đ đồng ý trả khoản vay chương trình hộ nghèo số tiền 40.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị Phương trình B2: Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị P và ông Triệu Sinh Đ không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chúng bà Đặng Thị P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ đầu năm 2001. Sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng bà Đặng Thị P chung sống với nhau tại thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cũ nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống chung của vợ chồng mới đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng bà Đặng Thị P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Triệu Sinh Đ bời, bỏ nhà đi vào Miền Nam sinh sống được khoảng 01 tháng. Đến năm 2018 bà Đặng Thị P đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh từ đó vợ chồng bà Đặng Thị P sống ly thân nhau cho đến nay. Bà Đặng Thị P xác định

tình cảm vợ chồng với ông Triệu Sinh Đ không còn nên ông Triệu Sinh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Đặng Thị P cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Triệu Tiến M, sinh ngày 19/4/2001 và Triệu Thị M1, sinh ngày 09/11/2002. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành đều đã có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp 4 và đất xung quanh nhà nhưng bà Đặng Thị P không biết cụ thể diện tích xây dựng và tổng diện tích đất bao nhiêu m². Bà Đặng Thị P đã tự thỏa thuận về đất, còn ngôi nhà vợ chồng đã tự thỏa thuận ngoài Tòa án là cho ông Triệu S1 Đường được sở hữu nhà và phải thanh toán cho bà Đặng Thị P số tiền 20.000.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

Về các khoản nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng C1, tại Phòng giao dịch Ngân hàng C1, tỉnh Lạng Sơn 02 khoản vay đứng tên bà vay gồm: Vay chương trình hộ nghèo số tiền 30.000.000 đồng và vay mục đích để làm nhà số tiền vay 40.000.000 đồng. Khi ly hôn bà Đặng Thị P đồng ý trả khoản vay chương trình hộ nghèo số tiền 30.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện hợp pháp Ngân hàng C1 trình bày: Đặng Thị P, đứng tên vay 02 món như sau: 1. Chương trình cho vay Hộ cận nghèo Số khế ước 6600000724742648, ngày vay 11/01/2023, ngày đến hạn 11/01/2033, số tiền 30.000.000 đồng. 2. Chương trình cho vay Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, số Khế ước 6600000724416735, ngày vay 23/11/2022, hạn trả 11/11/2037, số tiền 40.000.000 triệu đồng, đến nay vẫn chưa trả đối với 02 khoản vay này. Phòng C1 nhất trí với ý kiến của ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P về việc tự thỏa thuận chịu trách nhiệm trả nợ. Phòng C1 sẽ chịu trách nhiệm hướng dẫn người vay làm các thủ tục nhận nợ sau khi có phán quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

Tại công văn của Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lạng Sơn trả lời yêu cầu xác minh của Tòa án xã định ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X.

Tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn nơi ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P đang sinh sống, xác định ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P không có đăng ký kết hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14,15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P; về con chung: Có 02 người con chung tên là Triệu Tiến M, sinh ngày 19/4/2001 và Triệu Thị M1, sinh ngày 09/11/2002 đã đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết; về vay nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện nhận trả nợ của bà Đặng Thị P có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hộ cận nghèo Số khế ước 6600000724742648, ngày vay 11/01/2023, ngày đến hạn 11/01/2033, số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); ông Triệu Sinh Đ có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, số Khế ước 6600000724416735, ngày vay 23/11/2022, hạn trả 11/11/2037, số tiền 40.000.000 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng). Về án phí: Nguyên đơn ông Triệu Sinh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng do ông Triệu Sinh Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho ông Triệu Sinh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không xác định được ngày tháng cụ thể, việc chung sống với nhau là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đến năm 2017 thì vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng phải đi làm xa nhau, từ đó vợ chồng hay cãi nhau. Khoảng năm 2018 - 2019 bà Đặng Thị P đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh từ đó vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa ông

Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P là không hợp pháp, vì vậy cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P theo quy định tại các Điều 14, 15 và 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P tuy không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng nhưng có 02 người con chung tên là Triệu Tiến M, sinh ngày 19/4/2001 và Triệu Thị M1, sinh ngày 09/11/2002. Hiện nay 02 con đều đã trưởng thành, khi ly hôn ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vay nợ chung: Bà Đặng Thị P, đứng tên vay 02 món như sau: Chương trình cho vay Hộ cận nghèo, số tiền 30.000.000 đồng; Chương trình cho vay Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP với số tiền 40.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả đối với 02 khoản vay này. Ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P thống nhất cùng có trách nhiệm trả cả nợ gốc và lãi phát sinh đối với 02 món vay cho Ngân hàng C1, tại Phòng C1, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể: Bà Đặng Thị P có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hộ cận nghèo Số khế ước 6600000724742648, ngày vay 11/01/2023, ngày đến hạn 11/01/2033, số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Ông Triệu Sinh Đ có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, số Khế ước 6600000724416735, ngày vay 23/11/2022, hạn trả 11/11/2037, số tiền 40.000.000 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C1 cũng đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn và sẽ có trách nhiệm hướng dẫn người vay làm các thủ tục nhận nợ sau khi có phán quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ của ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng do nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14,15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P.

2. Về con chung: Có 02 người con chung đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P cùng có trách nhiệm trả cả nợ gốc và lãi phát sinh đối với 02 món vay đứng tên bà Đặng Thị P, vay Ngân hàng C1, tại Phòng C1, tỉnh Lạng Sơn, Ngân hàng có trách nhiệm hướng dẫn người vay làm các thủ tục nhận nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

4.1. Bà Đặng Thị P có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hộ cận nghèo Số khế ước 6600000724742648, ngày vay 11/01/2023, ngày đến hạn 11/01/2033, số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4.2. Ông Triệu Sinh Đ có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với món vay Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, số Khế ước 6600000724416735, ngày vay 23/11/2022, hạn trả 11/11/2037, số tiền 40.000.000 triệu đồng (bốn mươi triệu đồng).

Đến hạn trả nợ ông Triệu Sinh Đ và bà Đặng Thị P không trả được hết nợ, Ngân hàng có quyền khởi kiện vụ án theo quy định.

5. Về án phí: Ông Triệu Sinh Đ được miễn án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn đều có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Xuân Dương, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Công Chung